

CÔNG TY TNHH KBC GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KBC GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KBC GLOBAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KBC GLOBAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702891909

3. Ngày thành lập: 09/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, Đường GS2, Phường Đông Hòa, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	0810
2.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không hoạt động tại trụ sở).	1391
3.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở).	1392
4.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
6.	Sản xuất giày, dép	1520
7.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
8.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
9.	In ấn (không hoạt động tại trụ sở).	1811
10.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102
13.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24.	Bán mô tô, xe máy	4541
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn đồ uống	4633
30.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm).	4649
32.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
36.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng).	4662
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Bán buôn hóa chất các loại.	4669
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

51.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
52.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở).	5610
55.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết : Kinh doanh bất động sản	6810
56.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : Tư vấn , môi giới bất động sản	6820
57.	Quảng cáo	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ ĐÌNH HOÀNG	Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	4.000.000.000	20,000	281204042	
2	LÂM THANH LỘC	99/7 ,Khu phố 2A, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.600.000.000	18,000	024964211	
3	NGÔ THANH BÌNH	Thôn Cát An 2, Thị trấn Phước Cát, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	3.200.000.000	16,000	250585264	

4	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	43/6 Khu phố 3, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	9.200.000.000	46,000	272358917	
---	-------------------------	---	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐÌNH HOÀNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/03/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *281204042*

Ngày cấp: *30/07/2014*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Bình Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu phố Bình Phước A, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương